

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, bãi bỏ danh mục và quy trình nội bộ
giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động;
Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-LĐTBXH, ngày 16/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH, ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ qui định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và

tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: 275/TTr-SLĐTBXH ngày 23/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 07 Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt 09 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động, Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Có Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Bãi bỏ 06 Danh mục thủ tục hành chính (*số thứ tự 3, Mục I; số thứ tự 84, 86, 87, 88, 89, Mục VIII Phần A*) và 06 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*số thứ tự 57, Mục VI, Phần A; số thứ tự 4, 40, 41, 42, 43, mục VII, phần B*) tại Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tù(30b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

CẤP TỈNH: 07 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG					
1	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. - Nghị định 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quyết định số 1549/QĐ-LĐTBXH ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						16/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ATVSLĐ thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động – TBXH.
II LĨNH VỰC VIỆC LÀM						
2	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	7,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	- 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định - 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	600.000	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị Quyết 135/2020/NQ-HĐND tỉnh Sơn La ngày 31/7/2020 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
5	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	450.000	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị Quyết 135/2020/NQ-HĐND tỉnh Sơn La ngày 31/7/2020 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh.
6	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
7	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở LĐ-TB&XH tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: 07 QUY TRÌNH

I. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

1.Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Lao động-Việc làm-Giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Cán bộ, chuyên viên Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Các văn bản đầu ra	1,5 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	1 ngày
B6	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên Phòng Lao động-Việc làm-Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản đầu ra	0,5 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công	Đính kèm kết quả là do Sở phát hành	0,5 ngày

II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

2. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài

- Thời gian giải quyết: 7,5 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Lao động-Việc làm-Giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1 ngày
B3	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Cán bộ, chuyên viên Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Các văn bản đầu ra	2.5 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	1 ngày
B6	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên Phòng Lao động-Việc làm-Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản đầu ra	1 ngày
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công	Đính kèm kết quả là do Sở phát hành	0,5 ngày

3. Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài

3.1. Trường hợp 01: 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Thời gian giải quyết: 02 tháng (60 ngày) làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Lãnh đạo Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	2 ngày
B3	Chuyên viên xử lý	Cán bộ, chuyên viên Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Dự thảo VB đầu ra trình lãnh đạo phòng	54 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	2 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Lãnh đạo phòng tiếp nhận xem xét, thẩm định	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày

3.2. Trường hợp 02: Tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

- Thời gian giải quyết: 01 tháng (30 ngày) làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Lãnh đạo Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	2 ngày
B3	Chuyên viên xử lý	Cán bộ, chuyên viên Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Dự thảo VB đầu ra trình lãnh đạo phòng	24 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	2 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Lãnh đạo phòng tiếp nhận xem xét, thẩm định	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày

3.3. Trường hợp 03: 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Lãnh đạo Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1 ngày
B3	Chuyên viên xử lý	Cán bộ, chuyên viên Phòng LĐ-VL-Giáo dục nghề nghiệp	Dự thảo VB đầu ra trình lãnh đạo phòng	12 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	1 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Lãnh đạo phòng tiếp nhận xem xét, thẩm định	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày

4. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Bộ hồ sơ về cấp giấy phép lao động cho NLĐ nước ngoài làm việc tại VN	0,5 ngày
B2	Trưởng phòng phân công nhiệm vụ cho chuyên viên, chuyên viên được phân công tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng thành phần và đúng quy định của pháp luật.	Chuyên viên Phòng Lao động – Việc làm – Giáo dục nghề nghiệp	dự thảo giấy phép (hoặc công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung)	2,5 ngày
B3	Trưởng phòng xem xét hồ sơ và dự thảo giấy phép (hoặc công văn sửa đổi) do chuyên viên trình	Lãnh đạo phòng LĐVL - GDNN	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B4	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và dự thảo giấy phép (hoặc công văn sửa đổi) do phòng chuyên môn trình	Lãnh đạo Sở LĐTBXH	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN	Giấy phép lao động cho NLĐ nước ngoài	0,5 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày

5. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Bộ hồ sơ về cấp giấy phép lao động cho NLD nước ngoài làm việc tại VN	0,25 ngày
B2	Trưởng phòng phân công nhiệm vụ cho chuyên viên, chuyên viên được phân công tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng thành phần và đúng quy định của pháp luật.	Chuyên viên Phòng Lao động – Việc làm – Giáo dục nghề nghiệp	dự thảo giấy phép (hoặc công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung)	01 ngày
B3	Trưởng phòng xem xét hồ sơ và dự thảo giấy phép do chuyên viên trình	Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B4	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và dự thảo giấy phép do phòng chuyên môn trình	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN	Giấy phép lao động cho NLD nước ngoài	0,5 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,25 ngày

6. Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa, Trung tâm hành chính công tỉnh	Bộ hồ sơ về cấp giấy phép lao động cho NLĐ nước ngoài làm việc tại VN	0,5 ngày
B2	Trưởng phòng phân công nhiệm vụ cho chuyên viên, chuyên viên được phân công tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng thành phần và đúng quy định của pháp luật.	Chuyên viên Phòng Lao động – Việc làm – Giáo dục nghề nghiệp	dự thảo giấy phép (hoặc công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung)	2,5 ngày
B3	Trưởng phòng xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản do chuyên viên trình	Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B4	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản do phòng chuyên môn trình	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN	Giấy phép lao động cho NLĐ nước ngoài	0,5 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày

7.Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

-Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa, Trung tâm hành chính công tỉnh	Bộ hồ sơ về người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	0,5 ngày
B2	Trưởng phòng phân công nhiệm vụ cho chuyên viên, chuyên viên được phân công tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng thành phần và đúng quy định của pháp luật.	Chuyên viên Phòng Lao động – Việc làm – Giáo dục nghề nghiệp	dự thảo Giấy xác nhận (hoặc công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung)	2,5 ngày
B3	Trưởng phòng xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản do chuyên viên trình	Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B4	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản do phòng chuyên môn trình	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày
B5	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN xử lý hồ sơ, chuyển kết quả ra một cửa	Chuyên viên phòng LĐVL&GDNN	Hồ sơ và văn bản v/v người nước ngoài không thuộc diện được cấp phép	0,5 ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là văn bản do Sở phát hành	0,5 ngày